TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM ĐỘNG** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07-11-2018.
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG - TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Lũng.

Các hội thẩm nhân dân:

1- Ông: Trần Quang Binh.

2- Bà: Vũ Thị Liên.

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thơ - Thư ký Tòa án.

Đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Động mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 159/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị L - Sinh năm 1990. (Có mặt)

HKTT: Thôn B - xã V - huyện K - tỉnh Hưng Yên.

Nơi ở hiện nay: Thôn Đ - xã H - huyện K - Hưng Yên.

- Bị đơn: Anh Trần Văn H - Sinh năm 1989. (Vắng mặt)

HKTT: Thôn B - xã V - huyện K - tỉnh Hưng Yên.

Hiện đang cai nghiện tại: Cơ sở điều trị nghiện ma túy trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ: Thôn T - xã X - huyện Â - tỉnh Hưng Yên.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Trần Thị Huyền T - Sinh ngày 31/10/2009.(Vắng mặt)

+ Cháu Trần Xuân T - Sinh ngày 09/3/2014.(Vắng mặt)

HKTT: Thôn B - xã V - huyện K - tỉnh Hưng Yên.

- Người làm chứng: Ông Dương Văn T - Sinh năm 1963. (Vắng mặt)

HKTT: Thôn Đ - xã H - huyện K - Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn chị Dương Thị L trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Trần Văn H, sinh năm 1990 trú tại: Thôn B, xã V, huyện K, tỉnh Hưng Yên là hai người khác địa phương có thời gian tìm hiểu nhau hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương vào khoảng tháng 9/2008. Tuy nhiên tại thời điểm tổ chức cưới anh H chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên chị và anh H chưa tiến hành đăng ký kết

hôn theo quy định của pháp luật tại chính quyền địa phương. Đến ngày 18/5/2009 anh H đã đủ tuổi đăng ký kết hôn nên chị và anh H tự nguyện ra Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Hưng Yên tiến hành làm các thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do thời gian đã lâu chị và anh H không còn giữ được bản chính đăng ký kết hôn nên chị chỉ cung cấp cho Tòa án bản sao trích lục kết hôn. Sau khi được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương chị về ngay gia đình anh H làm ăn chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 7 năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do thời gian vợ chồng tìm hiểu nhau trước khi kết hôn quá ngắn, chưa hiểu hết về nhau đã đi đến hôn nhân nên sau khi vợ chồng về chung sống hay xảy ra đánh cãi chửi nhau trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, trong làm ăn kinh tế và nuôi dạy con chung. Bên cạnh đó anh H thường xuyên chơi bời không chịu tu chí làm ăn và không quan tâm gì đến gia đình. Ngoài ra anh H còn mắc vào tệ nạn xã hội cụ thể là nghiện ma túy. Tuy nhiên nghĩ đến con chung chị và hai bên gia đình đã động viên khuyên giải anh H nhiều lần từ bỏ ma túy để vợ chồng xây dựng hạnh phúc gia đình và chăm sóc con chung nhưng anh H không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và ngày càng căng thẳng đến khoảng tháng 01/2010 thì chị bỏ gia đình anh H về gia đình nhà bố, mẹ đẻ chị ở thôn Đ, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên làm ăn sinh sống và vợ chồng sống ly thân nhau. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân nhau được hai bên gia đình động viên khuyên giải và bản thân anh H nhiều lần đến gặp trực tiếp chị và gia đình chị xin lỗi và hứa đã cai nghiện được ma túy nên đến khoảng tháng 4/2013 chị lại quay trở về gia đình anh H chung sống đoàn tụ nuôi dạy con chung. Mặc dù đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, anh H vẫn chưa cai nghiện được ma túy, đến ngày 16/01/2018 thì anh H bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hưng Yên. Sau khi anh H đi cai nghiện thì giữa chị và mẹ anh H không hợp nên cũng hay xảy ra xích mích giữa mẹ chồng với nàng dâu, đến tháng 7/2018 thì chị tiếp tục bỏ gia đình anh H về gia đình nhà bố mẹ đẻ chị làm ăn sinh sống. Trong quá trình anh H đi cai nghiện chị có đến thăm gặp anh H nhưng do thời gian vợ chồng đã sống ly thân và xa cách nhau quá lâu làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, hạnh phúc gia đình không đạt được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn, hạnh phúc gia đình không đạt được và không thể kéo dài thêm được nữa. Chị kiên quyết đề nghị Toà án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên giải quyết cho chị được ly hôn với anh H để chị sớm được ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Thị Huyền T, sinh ngày 31/10/2009 và cháu Trần Xuân T, sinh ngày 09/3/2014. Quan điểm của chị nếu vợ chồng ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai con chung đến tuổi thành niên, chị tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

- Về tài sản chung, Công nợ; Công sức; Ruộng canh tác: Giữa chị và anh H không có gì liên quan với nhau, chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án do anh H hiện đang phải đi tập trung cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hưng Yên nên Tòa án không tiến hành triệu tập anh H và chị L có mặt tại Tòa

án để tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về quan hệ vợ chồng, con chung và tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác được. Ngày 18/10/2018 Tòa án nhân dân huyện Kim Động phối kết hợp với Cơ sở điều trị nghiện ma túy trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hưng Yên và tiến hành triệu tập anh H, chị L để tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác giữa anh H và chị L tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hưng Yên.

Theo lời khai của bị đơn anh Trần Văn H trình bày:

Anh xác định lời khai của chị L về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian vợ chồng mâu thuẫn và nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như chị L khai là đúng. Nay chị L có đơn xin ly hôn anh và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên giải quyết, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị L đã dạn nứt nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị L, anh mong muốn chị L suy nghĩ lại để vợ chồng về chung sống đoàn tụ nuôi dạy con chung, anh không nhất trí ly hôn với chị L. Trường hợp chị L kiên quyết xin ly hôn với anh, thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh cũng xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Thị Huyền T, sinh ngày 31/10/2009 và cháu Trần Xuân T, sinh ngày 09/3/2014. Quan điểm của anh nếu vợ chồng ly hôn do hiện nay anh đang đi tập trung cai nghiện nên anh nhất trí giao chị L được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai con chung đến tuổi thành niên, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L. Nếu sau này anh đi cai nghiện về có điều kiện nuôi con anh sẽ làm đơn về việc thay đổi nuôi con chung sau.

- Về tài sản chung, Công nợ; Công sức; Ruộng canh tác: Giữa anh và chị L không có gì liên quan với nhau, anh nhất trí tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện hiện nay anh đang đi tập chung cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hưng Yên nên không thể có mặt tại Tòa án để giải quyết, xét xử theo yêu cầu triệu tập của Tòa án được. Vì vậy anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết, xét xử vắng mặt anh theo quy định của pháp luật.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Trần Thị Huyền T trình bày:***

Việc bố mẹ cháu có đơn đề nghị Toà án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên giải quyết việc ly hôn cháu có biết. Nguyên nhân mâu thuẫn của bố, mẹ cháu dẫn đến việc đề nghị Toà án giải quyết là do bố cháu mắc vào nghiện ma túy nên hay đánh mẹ cháu. Nguyện vọng của cháu là mong muốn Toà án hoà giải cho bố mẹ cháu được về chung sống đoàn tụ để tập trung nuôi dạy chị em cháu được trưởng thành. Trong trường hợp bố, mẹ cháu mà không về chung sống đoàn tụ được mà phải ly hôn thì nguyện vọng của cháu xin được ở cùng với mẹ cháu.

* Ngày 12 tháng 10 năm 2018 Toà án tiến hành lấy lời khai của ông Dương Văn T là bố đẻ của chị L và là bố vợ của anh H để xác minh về quan hệ vợ chồng của anh, chị được ông T cung cấp:

- Về hôn nhân: Thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng sống ly

thân nhau như chị L và anh H khai là đúng. Nay chị L có đơn xin ly hôn anh H và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên giải quyết. Quan điểm của ông cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng chị Lan và anh Hải đã tồn tại và kéo dài từ lâu, do anh H mắc nghiện ma túy nên vợ chồng chung sống không có hạnh phúc. Tuy nhiên nghĩ đến các con chung của chị Lan, anh H ông mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng chị L, anh H được về chung sống đoàn tụ nuôi dạy các con chung được trưởng thành. Trong trường hợp chị L vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh H thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị L.

- Về con chung: Ông xác định trong quá trình anh H, chị L chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Thị Huyền T, sinh ngày 31/10/2009 và cháu Trần Xuân T, sinh ngày 09/3/2014. Quan điểm của ông nếu vợ chồng ly hôn ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị L.

- Về tài sản chung; Công nợ; Công sức: Ông không nắm được ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị L.

- Về ruộng canh tác: Giữa chị L và anh H không có gì liên quan với nhau.

* Ngày 15/10/2018 Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương về tình trạng hôn nhân của anh, chị được địa phương cung cấp:

- Về hôn nhân: Anh H và chị L là hai người khác địa phương có thời gian tìm hiểu nhau hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương vào khoảng tháng 9/2008. Tuy nhiên tại thời điểm tổ chức cưới anh H chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên chị L và anh H chưa tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại chính quyền địa phương. Đến ngày 18/5/2009 anh H đã đủ tuổi đăng ký kết hôn nên chị L và anh H tự nguyện ra Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Hưng Yên tiến hành làm các thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương chị L về ngay gia đình anh H làm ăn chung sống. Theo địa phương được biết thì vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H mắc nghiện ma túy nên vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, chị L đã nhiều lần bỏ gia đình anh H về gia đình nhà bố, mẹ đẻ làm ăn sinh sống và vợ chồng đã nhiều lần sống ly thân nhau, đến ngày 16/01/2018 thì anh H đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hưng Yên. Nay chị L có đơn xin ly hôn anh H và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kim Động giải quyết. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Địa phương xác định quá trình chung sống vợ chồng chị L, anh H có 02 con chung là cháu Trần Thị Huyền T, sinh ngày 31/10/2009 và cháu Trần Xuân T, sinh ngày 09/3/2014. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào tình hình thực tế và nguyện vọng của các bên, đảm bảo quyền lợi của các con chung chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

+ Về tài sản chung; Công nợ; Công sức: Địa phương không nắm được đề nghị Tòa án xác minh và căn cứ theo lời khai của các đương sự để giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Về ruộng canh tác: Giữa anh H và chị L không có gì liên quan với nhau.

Tại phiên toà hôm nay: Chị L giữ nguyên quan điểm xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn, hạnh phúc gia đình không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị kiên quyết đề nghị Toà án giải quyết cho chị được li hôn với anh H để chị sớm được ổn định cuộc sống. Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Thị Huyền T, sinh ngày 31/10/2009 và cháu Trần Xuân T, sinh ngày 09/3/2014. Quan điểm của chị nếu vợ chồng ly hôn chị xin được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai con chung đến tuổi thành niên, chị tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Hiện nay chị làm công nhân may công việc rất ổn định thu nhập bình quân của chị là 8.000.000 đồng/tháng nếu Tòa án giao cả hai con chung cho chị nuôi, chị sẽ đảm bảo cho các con chung phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần. Về tài sản chung; Công sức; Công nợ; Ruộng canh tác: Chị tự nguyện không đề nghị Toà án giải quyết. Anh H vắng mặt tại phiên tòa có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án thẩm phán thụ lý vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Đề xuất của Kiểm sát viên:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Dương Thị L được ly hôn với anh Trần Văn H.

- Về con chung: Đề nghị giao các con chung của vợ chồng là cháu Trần Thị Huyền T, sinh ngày 31/10/2009 và cháu Trần Xuân T, sinh ngày 09/3/2014 cho chị L được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Anh H được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung chị L không được ngăn cản.

- Về tài sản chung; Công nợ; Công sức; Ruộng canh tác: Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự.

**Về hôn nhân:* Anh Trần Văn H và chị Dương Thị L là hai người khác địa phương kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện K, tỉnh

Hưng Yên vào ngày 18/5/2009. Hôn nhân của anh chị là hôn nhân hoàn toàn hợp pháp và được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 7 năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo các tài liệu chứng cứ thu thập được thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị L là do thời gian vợ chồng tìm hiểu nhau trước khi kết hôn quá ngắn, chưa hiểu hết về nhau đã đi đến hôn nhân nên sau khi vợ chồng về chung sống hay xảy ra đánh cãi chửi nhau trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, trong làm ăn kinh tế và nuôi dạy con chung. Bên cạnh đó do anh H thường xuyên chơi bời không chịu tu trí làm ăn và mắc vào tệ nạn xã hội là nghiện ma túy nên vợ chồng chung sống không có hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và ngày càng căng thẳng nên chị L đã nhiều lần bỏ gia đình anh H về gia đình nhà bố, mẹ đẻ làm ăn sinh sống và hiện anh H đang phải đi cai nghiện bắt buộc do vi phạm hành chính, vợ chồng đã nhiều lần sống li thân nhau. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn, hạnh phúc gia đình không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được li hôn với anh H để chị sớm được ổn định cuộc sống. Anh H cũng xác định tình cảm vợ chồng đã dạn nứt nhưng anh vẫn mong muốn chị L suy nghĩ lại để vợ chồng về chung sống đoàn tụ nuôi dạy các con chung, nhưng anh không đưa ra phương pháp hay biện pháp gì để cải thiện, hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng nhau nuôi dạy các con chung được trưởng thành. Tại phiên họp việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải chị L vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H để chị sớm được ổn định cuộc sống nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ vợ chồng cho anh, chị được.

Như vậy qua phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa hai anh, chị đã phát sinh và kéo dài anh, chị đã nhiều lần sống ly thân nhau, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình động viên và khuyên giải nhưng tình cảm giữa hai anh, chị không được cải thiện. Thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh H đã đến mức trầm trọng, hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần giải quyết cho anh, chị được ly hôn để anh, chị có điều kiện tạo lập cuộc sống mới.

**Về con chung:* Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Thị Huyền T, sinh ngày 31/10/2009 và cháu Trần Xuân T, sinh ngày 09/3/2014. Quan điểm của L nếu vợ chồng li hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Quan điểm của anh H cũng nhất trí với quan điểm của chị L vì hoàn cảnh của anh hiện nay đang phải đi cai nghiện bắt buộc nên không có điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng các con chung được, khi nào anh đi cai nghiện về có điều kiện nuôi con anh sẽ làm đơn về việc thay đổi nuôi con chung sau. Do vậy cần giao cả hai con chung cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc đến tuổi thành niên, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L.

**Về tài sản chung;Công sức; Công nợ; Ruộng canh tác:* Cả hai anh chị đều tự nguyện không yêu cầu giải Tòa án giải quyết. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự cần được ghi nhận.

**Án phí:* Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí li hôn sơ thẩm theo qui định tại. Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Về hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị L được li hôn anh Trần Văn H.

* Về Con chung: Giao cho chị L được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai con chung của vợ chồng là cháu Trần Thị Huyền T, sinh ngày 31/10/2009 và cháu Trần Xuân T, sinh ngày 09/3/2014 đến tuổi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị, anh H được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung chị L không được ngăn cản.

* Tài sản chung; Công sức; Công nợ; Ruộng canh tác: Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí li hôn sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 007473 ngày 01 tháng 10 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Động. Chị L đã nộp đủ án phí sơ thẩm li hôn.

* Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc ngày niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh;
- VKS + THA huyện;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊNTOÀ

Nguyễn Tiến Lũng